

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DS-ST

Ngày 10-4-2025

*“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản giữa ông T, bà D với ông K”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Diệu

2. Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Minh Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXX-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1972

Bà Nguyễn Thị D sinh năm 1974

- Bị đơn: Ông Nguyễn Viết K sinh năm 1989

Cùng nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt các đương sự)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T và Nguyễn Thị D trình bày:

Ông bà là vợ chồng, có quan hệ quen biết với ông Nguyễn Viết K.

Ngày 25/7/2019 tức ngày 23/6/2019 (âm lịch) ông bà có cho ông Nguyễn Viết K vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Khi vay hai bên thoả thuận 10 ngày thì trả, có viết giấy biên nhận, bà D là người viết giấy, ông bà đưa

tiền cho ông K và viết giấy vay tiền tại nhà ông bà. Tại giấy vay tiền thể hiện “Hôm nay là ngày 23/6/2019 âm lịch, anh T chị D vay hộ em K số tiền là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Hẹn ngày 4/7/2019 âm lịch là trả (nếu không trả thì trả thì tính lãi theo Ngân hàng, sau đó các bên ký tên”. Sở dĩ ghi vay hộ là do thời điểm đó ông bà có vay tiền Ngân hàng nên có tiền cho ông K vay, nếu trong thời gian từ ngày 23/6/2019 đến ngày 4/7/2019 mà trả thì không tính lãi còn sau ngày 04/7/2019 (âm lịch) trả thì tính lãi theo Ngân hàng.

Quá trình trả nợ, ông K chưa trả được khoản tiền gốc nào mà chỉ trả được tiền lãi, ngày 25/8/2022 tức ngày 28/7/2022 (âm lịch) trả 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*), ngày 23/11/2022 tức ngày 30/10/2022 (âm lịch) trả 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*), tổng đã trả tiền lãi là 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*). Ông bà đã đòi nhiều lần nhưng ông K vẫn không trả cố tình gây khó khăn cho ông bà.

Nay ông bà khởi kiện yêu cầu ông K trả cho ông bà tổng cộng cả gốc và lãi còn lại là 65.000.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu đồng*), trả thành 02 lần vào các ngày 20/6/2025 trả 30.000.000 đồng và 20/8/2025 trả 35.000.000 đồng.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên toà bị đơn ông Nguyễn Viết K và trình bày:

Ông có quan hệ quen biết với vợ chồng ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị D.

Ông xác nhận ngày 25/7/2019 tức ngày 23/6/2019 (âm lịch), ông có vay của ông T, bà D số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), ông có ký vào giấy vay tiền ở phần người vay. Ông đã trả được 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*) tiền gốc.

Nay ông T, bà D khởi kiện yêu cầu ông trả cho ông bà số tiền gốc là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) và lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 04/7/2019 đến nay được trừ đi số tiền lãi ông đã trả là 14.000.000 đồng ông không đồng ý vì khi vay không thoả thuận lãi suất, không hẹn thời gian trả nợ. Tại giấy vay tiền có nội dung “Hẹn ngày 4/7/2019 âm lịch là trả (nếu không trả thì trả thì tính lãi theo Ngân hàng)”, theo ông nội dung này do vợ chồng ông T, bà D tự viết vào giấy biên nhận, ông không biết nội dung này nhưng ông không có tài liệu nào để chứng minh. Nay ông T, bà D khởi kiện ông trả số tiền tổng cộng là 65.000.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu đồng*), trả thành 02 lần vào các ngày 20/6/2025 trả 30.000.000 đồng và ngày 20/8/2025 trả 35.000.000 đồng, ông nhất trí.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các

Điều 116, 117, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị D với ông Nguyễn Viết K về việc ông Nguyễn Viết K trả cho ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị D tổng cộng số tiền gốc 50.000.000 đồng và lãi 15.000.000 đồng, tổng 65.000.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu đồng*), trả thành 02 lần vào các ngày 20/6/2025 trả 30.000.000 đồng và ngày 20/8/2025 trả 35.000.000 đồng; Nguyên đơn, bị đơn mỗi bên tự nguyện chịu ½ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tiền án phí ông T, bà D được đối trừ đi số tiền tạm ứng án phí ông T, bà D đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị D khởi kiện khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Viết K trả tiền vay chưa trả và lãi suất của khoản tiền này, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; bị đơn ông K có nơi cư trú Thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện: Ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị D khởi kiện ông Nguyễn Viết K trả số tiền gốc của khoản tiền vay chưa trả 50.000.000 đồng. Ông Nguyễn Hữu T xác nhận có vay của vợ chồng ông T, bà D số tiền này. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về lãi suất và thời hạn trả nợ: Theo giấy vay tiền ngày 25/7/2019 tức ngày 23/6/2019 (âm lịch) thể hiện: ông Nguyễn Viết K vay của ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị D số tiền 50.000.000 đồng 04/8/2019 tức ngày 4/7/2019 (âm lịch), nếu không trả thì tính theo lãi ngân hàng nhưng quá trình giải quyết vụ án ông T, bà D yêu cầu lãi suất là 1%/tháng kể từ ngày 05/8/2019 tức ngày 5/7/2019 (âm lịch), ông K đã trả cho ông bà tổng 14.000.000 đồng tiền lãi suất, còn ông K cho rằng khi vay không hẹn thời gian trả nợ, không có thỏa thuận lãi suất, số tiền 14.000.000 đồng ông đã trả được tính vào tiền gốc. Tại giấy biên nhận vay tiền thể hiện “Ngày 4/7/2019 âm lịch thì trả, không trả thì tính theo lãi ngân hàng”, ông K cho rằng nội dung này là do ông T, bà D tự viết vào giấy nhưng ông không có căn cứ tài liệu nào để chứng minh, hơn nữa ngay dưới dòng chữ “Nếu không trả thì tính lãi theo Ngân hàng” là chữ viết chữ ký của người cho vay và người vay (ông K), toàn bộ nội dung của giấy biên nhận không có dấu hiệu sửa chữa, dập xoá, hay viết thêm nội dung. Mặt khác, ông K khẳng định ông có ký ghi rõ họ tên vào giấy vay tiền, ông khẳng định có vay tiền của ông T bà D. Như vậy, có căn cứ khẳng định khoản vay của ông K có thời hạn trả

nợ là ngày 05/8/2019 tức ngày 04/7/2019 (âm lịch), khoản vay này, không rõ ràng về lãi suất, có tranh chấp về lãi suất nên áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để giải quyết về lãi suất. Quá trình hoà giải tại phiên toà ông T, bà D và ông K thoả thuận ông K trả cho ông T, bà D số tiền tổng cộng cả gốc và lãi 65.000.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu đồng*), trong đó tiền gốc 50.000.000 đồng và lãi suất 15.000.000 đồng, trả thành 02 lần vào các ngày 20/6/2025 trả 30.000.000 đồng và ngày 20/8/2025 trả 35.000.000 đồng. Sự thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thoả thuận này của các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 463, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí: Tại phiên toà ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Viết K thoả thuận mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, cần công nhận sự thoả thuận này là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố Tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

1. Xử công nhận sự thoả thuận của ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị D với ông Nguyễn Viết K về việc Nguyễn Viết K có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị D, số tiền cả gốc và lãi là 65.000.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu đồng*), trong đó: tiền gốc 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

Thời gian trả nợ: Ngày 20/6/2025 trả 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) và ngày 20/8/2025 trả 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*).

Nếu ông Nguyễn Viết K không thanh toán cho ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị D theo đúng thời hạn đã cam kết nêu trên thì ông K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán kể từ ngày kế tiếp theo của thời hạn trên theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Viết K nhận chịu 1.625.000 đồng (*Một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị D nhận chịu 1.625.000 đồng (*Một triệu sáu trăm hai*

mười lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ đi số tiền 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) ông T bà D đã nộp theo biên lai thu số 0004986 ngày 23/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình và trả lại ông T, bà D số tiền 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị D và bị đơn ông Nguyễn Viết K có mặt tại phiên toà quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên